

ĐỀ CƯƠNG KTCK1 MÔN ĐỊA KHỐI 12

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1. Vị trí nước ta nằm ở

- A. Rìa phía tây bán đảo Đông Dương.
- B. Rìa phía Đông bán đảo Đông Dương.
- C. Trung tâm của khu vực Đông Nam Á.
- D. Trung tâm của bán đảo Đông Dương.

Câu 2. Theo chiều Bắc – Nam, phần đất liền nước ta nằm trong khoảng vĩ tuyến nào?

- A. $22^{\circ}23'B - 8^{\circ}34'B$
- B. $23^{\circ}23'B - 8^{\circ}43'B$
- C. $23^{\circ}27'B - 8^{\circ}34'B$
- D. $23^{\circ}23'B - 8^{\circ}34'B$

Câu 3. Lãnh thổ nước ta là một khối thống nhất và toàn vẹn bao gồm

- A. đất liền, hải đảo và vùng trời.
- B. vùng đất, vùng biển và hải đảo.
- C. vùng đất, vùng biển và vùng trời.
- D. vùng đất, hải đảo và vùng trời.

Câu 4. Đường biên giới đất liền của nước ta tiếp giáp nhiều nhất với

- A. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.
- B. Cộng hòa Dân chủ Nhân Dân Lào.
- C. Vương quốc Campuchia.
- D. Vương quốc Thái Lan.

Câu 5. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta do đâu mà có?

- A. Tác động của biển Đông.
- B. Đặc điểm địa hình nhiều đồi núi.
- C. Vị trí địa lý quy định.
- D. Hình dạng lãnh thổ kéo dài.

Câu 6. Gió mùa Đông ở nước ta hoạt động trong khoảng thời gian nào?

- A. Tháng 10 đến tháng 4 năm sau.
- B. Tháng 11 đến tháng 4 năm sau.
- C. Tháng 5 đến tháng 10 hàng năm.
- D. Tháng 5 đến tháng 11 hàng năm.

Câu 7. Gió mùa Tây Nam xuất phát từ cao áp cận chí tuyến bán cầu Nam, gây mưa lớn và kéo dài cho

- A. Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.
- B. Nam Bộ và Nam Trung Bộ.
- C. Nam Bộ và Bắc Trung Bộ.
- D. Nam Bộ và duyên hải miền Trung.

Câu 8. Vào giữa và cuối mùa hạ, gió mùa Tây Nam thổi vào nước ta có nguồn gốc từ

- A. áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam.
- B. áp cao Xi-bia.
- C. áp cao cận chí tuyến Bắc bán cầu.
- D. áp cao Bắc Ấn Độ Dương.

Câu 9. Khu vực có mưa nhiều nhất vào thời kì đầu mùa hạ ở nước ta là

- A. Bắc Trung Bộ và Tây Bắc.
- B. Đồng bằng sông Hồng và Tây Bắc.
- C. Nam Trung Bộ và đồng bằng Nam Bộ.
- D. Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

Câu 10. Khu vực chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió phơn Tây Nam là

- A. Tây Bắc.
- B. Đông Bắc.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Bắc Trung Bộ.

Câu 11. Nhận xét nào sau đây **không** đúng với sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam ở nước ta?

- A. Biên độ nhiệt độ năm càng vào phía Nam càng giảm.
- B. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam.
- C. Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Bắc vào Nam.
- D. Nhiệt độ mùa hạ ít có sự khác nhau giữa hai miền.

Câu 12. Biểu hiện của cảnh quan thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc là

- A. mùa đông lạnh, tất cả cây rụng lá.
- B. mùa đông lạnh, không mưa, nhiều loài cây rụng lá.

C. mùa đông lạnh ẩm mưa nhiều, nhiều loài cây rụng lá.

D. Mùa đông lạnh, mưa ít, nhiều loài cây rụng lá.

Câu 13. Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho vùng lãnh thổ phía Nam là

A. rừng nhiệt đới ẩm gió mùa.

B. rừng cận xích đạo gió mùa.

C. rừng cận nhiệt đới khô.

D. rừng xích đạo gió mùa.

Câu 14. Nguyên nhân chủ yếu làm suy giảm tài nguyên số lượng, thành phần loài sinh vật nước ta là do

A. con người làm thu hẹp diện tích rừng tự nhiên.

B. môi trường tự nhiên bị ô nhiễm nghiêm trọng.

C. sự biến đổi mạnh mẽ của khí hậu và thời tiết.

D. hậu quả của chiến tranh để lại hết sức nặng nề.

Câu 15. Biểu hiện chủ yếu nhất của sự suy giảm tài nguyên đất ở nước ta là

A. mặn hóa đất.

B. hoang mạc hóa.

C. ô nhiễm đất.

D. xói mòn đất.

Câu 16. Quá trình xói mòn đất nước ta chủ yếu xảy ra ở

A. đồng bằng.

B. miền núi.

C. ven biển.

D. ven sông.

Câu 17. Vị trí quy mô dân số hiện nay của nước ta trên thế giới năm 2021

A. 2

B. 3

C. 10

D. 15

Câu 18. Thực trạng phát triển dân số nước ta hiện nay

A. quy mô dân số tăng, tỉ lệ gia tăng tự nhiên tăng.

B. quy mô dân số giảm, tỉ lệ gia tăng tự nhiên giảm

C. quy mô dân số giảm, tỉ lệ gia tăng tự nhiên tăng.

D. quy mô dân số tăng, tỉ lệ gia tăng tự nhiên giảm.

Câu 19. Cơ cấu dân số theo tuổi nước ta biến đổi nhanh chóng theo hướng

A. giảm tỉ lệ nhóm lao động, tăng nhóm tuổi trẻ em.

B. giảm tỉ lệ nhóm trẻ em, tăng tỉ lệ nhóm cao tuổi.

C. giảm tỉ lệ nhóm cao tuổi, tăng nhóm tuổi trẻ em.

D. tăng tỉ lệ nhóm lao động, tăng tỉ lệ nhóm cao tuổi.

Câu 20. Điều không phải là đặc điểm của cơ cấu dân số theo trình độ học vấn của nước ta?

A. trình độ học vấn của người dân nước ta còn rất thấp.

B. Tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ đạt gần 96%.

C. Số năm đi học trung bình của dân số trên 25 tuổi đạt 9,1 năm.

D. Trình độ học vấn có sự khác biệt giữa thành thị với nông thôn.

Câu 21. Nhận định nào dưới đây đúng với đặc điểm lao động nước ta?

A. Đội ngũ công nhân kĩ thuật lành nghề dồi dào.

B. Chất lượng lao động ngày càng được nâng lên.

C. Lực lượng lao động có trình độ cao đông đảo.

D. Giàu kinh nghiệm và tác phong công nghiệp.

Câu 22. Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế ở nước ta đang chuyển dịch theo hướng

A. tăng tỉ trọng khu vực Nhà nước, giảm tỉ trọng khu vực ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

B. tăng tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, giảm tỉ trọng khu vực nhà nước và khu vực ngoài nhà nước.

C. giảm tỉ trọng khu vực nhà nước, tăng tỉ trọng khu vực ngoài nhà nước và khu vực có

vốn đầu tư nước ngoài.

D. giảm tỉ trọng khu vực ngoài nhà nước, tăng tỉ trọng khu vực nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 23. Sự tăng nhanh của nguồn lao động sẽ

A. gây sức ép cho việc giải quyết việc làm.

B. đáp ứng tốt hơn nhu cầu xuất khẩu lao động.

C. nâng cao chất lượng nguồn lao động.

D. tạo điều kiện để phân bố lại lao động.

Câu 24. Biện pháp được chú trọng vừa giúp tăng sản lượng thủy sản vừa bảo vệ nguồn lợi thủy sản là

A. cải tiến kĩ thuật, tìm kiếm thị trường tiêu thụ ổn định.

B. đẩy mạnh phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến.

C. áp dụng công nghệ hiện đại, đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.

D. kiểm soát việc đánh bắt và truy xuất nguồn gốc thủy sản.

Câu 25. Vùng có tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm lớn nhất là

A. Trung du và miền núi phía Bắc.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Đông Nam Bộ

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 26. Tại sao việc làm đang là một vấn đề kinh tế - xã hội lớn ở nước ta hiện nay?

A. Số lượng lao động cần giải quyết việc làm hằng năm cao hơn số việc làm mới.

B. Nước ta có nguồn lao động dồi dào trong khi nền kinh tế còn chậm phát triển.

C. Nước ta có nguồn lao động dồi dào trong khi chất lượng lao động vẫn chưa cao.

D. Tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm nước ta còn cao và chưa giải quyết triệt để.

Câu 27. Trong quá trình đô thị hóa, yếu tố nào là quan trọng nhất để thu hút dân cư từ nông thôn ra thành thị?

A. Cơ hội việc làm.

B. Đất đai.

C. Điều kiện giao thông.

D. Môi trường sống.

Câu 28. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với đô thị hóa nước ta hiện nay?

A. Đang diễn ra ở trên khắp cả nước.

B. Không gian đô thị được mở rộng.

C. Tỉ lệ dân thành thị ngày càng tăng.

D. Lối sống đô thị chưa hình thành rõ.

Câu 29. Đặc điểm chính của quá trình đô thị hóa ở Việt Nam là gì?

A. Tăng dân số nhanh chóng ở nông thôn.

B. Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn.

C. Mở rộng và phát triển các khu đô thị.

D. Di cư dân từ thành thị ra nông thôn.

Câu 30. Đô thị hóa có tác động như thế nào đến cơ cấu dân số Việt Nam?

A. Giảm tỷ lệ ở dân số trẻ.

B. Tăng tỷ lệ ở dân số già.

C. Tăng tỷ lệ dân số đô thị.

D. Giảm tỷ lệ di cư lao động.

Câu 31. Năng suất lúa cả năm của nước ta có xu hướng tăng chủ yếu do

A. trình độ thâm canh được nâng cao.

B. áp dụng khoa học – công nghệ mới.

C. đẩy mạnh xen canh, tăng vụ.

D. mở rộng diện tích canh tác.

Câu 32. Xu hướng nổi bật nhất của ngành chăn nuôi nước ta hiện nay là

A. ứng dụng tiến bộ khoa học và kĩ thuật.

B. đang tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa.

C. tăng tỉ trọng sản phẩm không giết thịt.

D. phát triển mạnh dịch vụ về giống, thú y.

Câu 33. Mục đích chính của việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ và cơ cấu cây trồng là

- A. tăng hiệu quả kinh tế, hạn chế thiệt hại do thiên tai.
- B. phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu, nguồn lao động.
- C. đáp ứng nhu cầu của thị trường tiêu thụ.
- D. đa dạng hóa các nông sản thu lợi nhuận cao.

Câu 34. Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến việc sản xuất theo hướng hàng hóa trong chăn nuôi ở nước ta hiện nay?

- A. Trình độ lao động được nâng cao.
- B. Nhu cầu thị trường tăng nhanh.
- C. Dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ.
- D. Cơ sở thức ăn được đảm bảo hơn.

Câu 35. Tỷ lệ che phủ rừng là

- A. tỉ lệ diện tích rừng trồng trên tổng diện tích rừng.
- B. tỉ lệ diện tích từng loại rừng so với tổng diện tích rừng.
- C. tỉ lệ diện tích rừng so với tổng diện tích đất tự nhiên.
- D. tỉ lệ diện tích rừng tự nhiên trên tổng diện tích rừng.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Cho thông tin sau:

Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều nước nhưng ít sông lớn. Lượng nước trên hệ thống sông ngòi của nước ta thay đổi theo mùa. Sự chênh lệch lượng nước giữa 2 mùa rất rõ rệt. Trong mùa lũ, nước sông chiếm 60 – 90% lưu lượng cả năm, còn mùa cạn chỉ khoảng 20 – 30%. Tháng đỉnh lũ chiếm 25 – 30% lưu lượng nước cả năm. Nhìn chung, lượng nước sông ngòi của Việt Nam khá phong phú do được kết hợp với lượng nước chảy từ nước ngoài vào. Sông ngòi của nước ta có nhiều phù sa. Sông ngòi chảy theo 2 hướng chính: Tây Bắc - Đông Nam và hướng vòng cung.

a) Chế độ dòng chảy sông ngòi của nước ta phân thành hai mùa do chịu ảnh hưởng của sự phân hóa lượng mưa.

b) Sông ngòi của nước ta có nhiều phù sa do đất đai hai bên bờ sông tơi xốp, dễ sạt lở cuốn theo dòng nước.

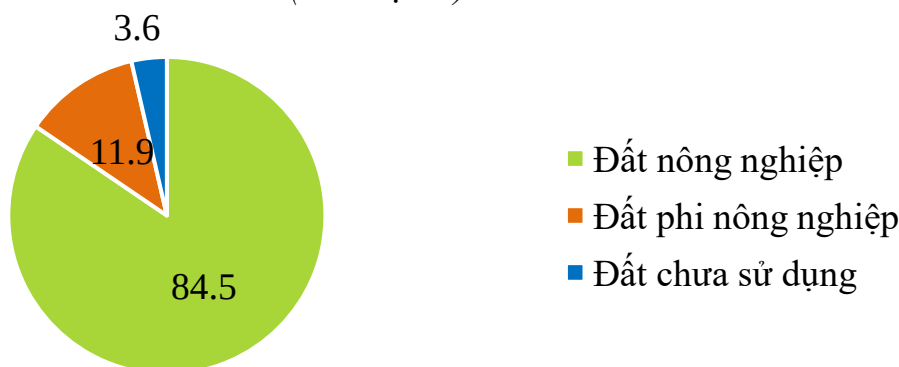
c) Hướng chảy của sông ngòi nước ta phụ thuộc vào hướng địa hình

d) Hầu hết các sông lớn ở nước ta đều bắt nguồn từ nội địa.

Câu 2. Cho biểu đồ:

CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT Ở NƯỚC TA, NĂM 2021

(Đơn vị: %)



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2022

- a) Biểu đồ thể hiện được cả về quy mô và cơ cấu sử dụng đất ở nước ta.
- b) Tỷ lệ đất được sử dụng cao nhất năm 2021 ở nước ta là đất nông nghiệp .
- c) Tỷ lệ đất phi nông nghiệp có quy mô nhỏ, tỷ lệ chỉ bằng 7,1 lần tỷ lệ đất nông nghiệp.
- d) Đất chưa được sử dụng ở nước ta còn khá cao, chiếm khoảng 23,5 đất nông nghiệp

Câu 3. Cho thông tin sau:

Cơ cấu dân số của Việt Nam đang dịch chuyển theo hướng tăng tỷ lệ người cao tuổi và giảm tỷ lệ dân số trẻ. Việt Nam hiện đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng và cũng đồng thời trong quá trình già hóa dân số.

- a) Cơ cấu dân số vàng là dân số đạt quy mô lớn, lực lượng lao động dồi dào
- b) Cơ cấu dân số vàng là dân số trong độ tuổi lao động gấp hai lần dân số phụ thuộc.
- c) Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới
- d) Việt Nam bước vào giai đoạn “già hóa dân số” từ năm 2011 (tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên trên 10% và người từ 65 tuổi trở lên trên 7

Câu 4. Cho bảng số liệu:

TỈ LỆ LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐÃ QUA ĐÀO TẠO PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2019 – 2023

Năm	2019	2020	2021	2023
Sơ cấp	3,7	4,7	6,8	6,2
Trung cấp	4,7	4,4	4,1	4,2
Cao đẳng	3,8	3,8	3,6	4,7
Đại học trở lên	10,6	11,1	11,7	12,0
Tổng số	22,8	24,0	26,2	27,1

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2023)

- a) Lao động nước ta từ 15 tuổi trở lên giai đoạn 2019 – 2023 phần lớn là chưa qua đào tạo
- b) Lao động nước ta từ 15 tuổi trở lên giai đoạn 2019 – 2023 đã qua đào tạo chủ yếu là trình độ sơ cấp
- c) Lao động nước ta từ 15 tuổi trở lên giai đoạn 2019 – 2023 rơi vào tình trạng “thừa thầy thiếu thợ”.
- d) Tổng số lao động đã qua đào tạo tăng nhanh liên tục, giai đoạn 2019-2023 tăng 1,1 lần.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.

Câu 1. Năm 2023, nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất và nhiệt độ trung bình tháng cao nhất của thủ đô Hà Nội lần lượt là 18,2⁰C và 31,5⁰C, tính biên độ nhiệt trung bình năm 2023 của Hà Nội (làm tròn kết quả đến 1 số thập phân của đơn vị ⁰C).

Câu 2. Tính lượng bốc hơi trung bình hàng ngày tại TP.HCM vào tháng 5 là bao nhiêu mm, biết rằng tổng lượng bốc hơi trong tháng là 150mm. (Làm tròn đến 2 số thập phân)

Câu 3. Theo Niên giám Thống kê năm 2023, diện tích Việt Nam là 331344,8 km² và dân số Việt Nam tính đến tháng 12 năm 2023 là 100,3 triệu người. Vậy, mật độ dân số Việt Nam tính đến tháng 12 năm 2023 là bao nhiêu người/km²?

Câu 4. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH RỪNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1943 – 2023

Đơn vị: triệu ha

Năm	1943	2010	2015	2021	2023
Tổng diện tích	14,3	13,4	14,1	14,7	14,9
- Diện tích rừng tự nhiên	14,3	10,3	10,2	10,1	10,1
- Diện tích rừng trồng	0	3,1	3,9	4,6	4,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023)

Tốc độ tăng trưởng của diện tích rừng năm 2023 là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Số lao động có việc làm trong nền kinh tế phân theo địa phương năm 2023

(Đơn vị: nghìn người)

Chỉ số	Năm 2023
Đồng bằng sông Hồng	11 584,9
Trung du và miền núi phía Bắc	6 145,6
Bắc Trung Bộ và DH miền Trung	10 479,1
Tây Nguyên	3 602,2
Đông Nam Bộ	10 167,4
Đồng bằng sông Cửu Long	9 307,8

Cho biết số lao động có việc làm trong nền kinh tế của vùng cao nhất so với vùng thấp nhất là bao nhiêu lần? (làm tròn đến 1 số thập phân).

Câu 6. Năm 2023, qui mô GDP của cả nước đạt 10 221,8 nghìn tỉ đồng, trong đó ngành công nghiệp – xây dựng chiếm 37,12 %, Cho biết trong năm 2023, ngành công nghiệp - xây dựng đóng góp bao nhiêu nghìn tỉ đồng vào tổng GDP cả nước (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn tỉ đồng)?

PHẦN IV. TỰ LUẬN

Câu 1. Trình bày đặc điểm đô thị hóa và phân tích ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển kinh tế_xã hội ở nước ta.

Câu 2. Trình bày quy mô và gia tăng dân số, cơ cấu dân số, tình hình phân bố dân cư của nước ta, hãy phân tích thế mạnh và hạn chế về dân số của nước ta.

----- **HẾT** -----